TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 522/2026/DS-PT
Ngày: 23/3/2026
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo
Bà Doãn Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1543/2025/DS-ST ngày 03/11/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 862/2026/QĐ-PT ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1961. *(có mặt)*
Địa chỉ: 6 Đường S, Phường B quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1966. *(có mặt)*
Địa chỉ: 3 PNL, Phường B quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Triệu Nghi Q. *(có mặt)*
Địa chỉ: 4 PNL, Phường B quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
3.1 Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1959. *(có mặt)*
Địa chỉ: 43 QT, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 124B QT, tổ 5, khu phố 8, Phường M quận G nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.
3.2 Ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1991. *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: 2 (số mới 8) Đường S, Phường B, quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 3-3A TC, phường T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N – Trưởng Văn phòng công chứng. *(có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Lê Thị T trình bày:

Mẹ và cha của bà T là cụ Hồ Thị S1 và cụ Lê Văn M, sinh thời có tạo lập được tài sản là bất động sản là nhà và đất tại địa chỉ: 2 Đường S, Phường B, quận G, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 6801/2003 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 17 tháng 6 năm 2003 cho cụ Lê Văn M và cụ Hồ Thị S1 (sau đây gọi tắt là nhà đất số 2).

Cụ S1 (chết ngày 17/01/2015) không để lại di chúc; cụ Lê Văn M (chết ngày 22/5/2022) có để lại Di chúc.

Cha và mẹ của cụ S1 và cụ M đều đã chết trước hai cụ. Cụ M và cụ S1 có 03 người con chung là các ông, bà: Lê Ngọc A, Lê Thị T, Lê Ngọc S.

Khi còn sống, cụ M được bà T đưa tới Văn phòng công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh để lập Di chúc có số công chứng 005373; quyển số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2020 (sau đây gọi tắt là Di chúc), với nội dung: *"Sau khi tôi qua đời thì 02 (hai) con của tôi là Lê Thị T và Lê Ngọc S sẽ được thừa kế di sản do tôi để lại là: Phần sở hữu, sử dụng và phần thừa kế của tôi đối với nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: 2 Đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy tờ nêu trên. Mỗi người được hưởng một phần bằng nhau.*

Ngoài Lê Thị T, Lê Ngọc S có tên nêu trên tôi không để lại tài sản này cho bất kỳ người nào khác."

Ngày 21/07/2023, bà T nộp Đơn khởi kiện (BL.45) yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là nhà đất số 2, cụ thể: chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ S1, chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ M.

Bị đơn - ông Lê Ngọc S trình bày:

Ông S không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản của cụ M theo Di chúc, ông S yêu cầu chia di sản của cụ S1 và cụ M theo pháp luật.

Ông S cho rằng Di chúc của cụ M là không hợp pháp vì lý do: Di chúc không có căn cứ xác nhận của cơ quan chuyên môn về tình trạng sức khỏe tinh thần của cụ M. Theo hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/08/2020 nêu cụ M có biểu hiện tâm thần F07 – các rối loạn nhân cách và hành vi do bệnh lý não, phát bệnh một năm nay, vậy khi lập di chúc cụ M đã không đủ tinh thần tỉnh táo để tự định đoạt di chúc. Về thông tin người làm

chứng tại Di chúc cũng sơ sài, không xác định được chính xác người này là ai, như thế nào để làm chứng.

Ngày 14/08/2023 ông S có Đơn phản tố (BL.83) yêu cầu: Tuyên hủy Di chúc của cụ M do không đủ điều kiện có hiệu lực của di chúc theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Ngọc A trình bày: ông không đồng ý với yêu cầu chia di sản theo di chúc của nguyên đơn, ông A đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu phân chia di sản của cụ M và cụ S1 theo pháp luật. (*Ông A có Đơn yêu cầu độc lập nhưng do có cùng yêu cầu với ông S nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý Đơn yêu cầu độc lập*)

Tòa án đã thu thập chứng cứ về tình trạng pháp lý của di sản và đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh quận G trả lời bằng Văn bản số 2982/CNGV ngày 20/11/2023 như sau: *"Theo hồ sơ hiện đang lưu trữ, thể hiện: Nhà đất tại địa chỉ số 2 Đường S, thuộc Phường B, quận G (thửa đất số 7, tờ bản đồ số 4) do ông/bà Lê Văn M - Hồ Thị S1 đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6801/2003 ngày 17 tháng 6 năm 2003 do Ủy ban nhân dân quận G cấp.*

Qua kiểm tra cơ sở dữ liệu hiện có, không thấy thể hiện thông tin đăng ký biến động và Văn bản đề nghị ngăn chặn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với nhà đất nêu trên."

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 1543/2025/DS-ST ngày 03/11/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: hủy Di chúc có số công chứng: 005373; quyển số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2020 do cụ Lê Văn M lập tại Văn phòng công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Di sản của cụ Hồ Thị S1 và cụ Lê Văn M là nhà và đất tại địa chỉ: 2: Đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số: 6801/2003 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 17 tháng 6 năm 2003 cho cụ Lê Văn M và cụ Hồ Thị S1, di sản này có giá trị 5.520.658.078 đồng (Năm tỷ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn không trăm bảy mươi tám đồng) được chia theo pháp luật.

Di sản được chia theo pháp luật thành 03 phần bằng nhau cho bà Lê Thị T, ông Lê Ngọc A, ông Lê Ngọc S, mỗi người được hưởng một phần: 5.520.658.078 đồng : 3 = 1.840.219.359 đồng.

Phần di sản sau khi chia theo pháp luật, các đương sự như sau:

Bà T được hưởng 1.840.219.359 đồng.

Ông S được hưởng 1.840.219.359 đồng.

Ông A được hưởng 1.840.219.359 đồng.

Đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền được phát mãi nhà và đất tại địa chỉ: 2 Đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí

Minh để thực hiện việc chia thừa kế nêu trên. Ông Lê Ngọc T1 hiện đang ở trong căn nhà trên phải di dời người và tài sản của mình ra khỏi nhà khi có yêu cầu của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04/11/2025, nguyên đơn – bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Hiện bà T đang giữ bản chính giấy tờ chủ quyền nhà đất số 2. Nhà đất hiện do con của ông S là Lê Ngọc T1 đang ở. Ông Lê Ngọc T1 có biểu hiện chậm phát triển, thường xuyên gây rối với gia đình, hàng xóm, hay xin tiền, nếu không cho tiền thì T1 chửi bới, la hét, thậm chí lao vào đánh người khác (gởi kèm hình ảnh chụp Lê Ngọc T1 đang la hét).

Ngày 12/08/2020, bà T chở cha là cụ M đến Bệnh viện Tâm thần TP. HCM khám bệnh vì thấy cụ M mất ngủ mấy ngày, do muốn bệnh viện chú ý nên bà T đã kê khai dấu hiệu bệnh như vậy để được quan tâm, nhưng bệnh viện cũng không có kết luận là cụ M bị tâm thần, mất năng lực hành vi và chỉ cho thuốc về nhà uống.

Bà T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T, chia di sản của cụ S1 theo pháp luật và chia di sản của cụ M theo di chúc. Nếu chấp nhận kháng cáo của bà T thì bà T yêu cầu nhận nhà đất và thối tiền cho ông A và ông S theo giá 5.520.658.078 đồng tại Biên bản định giá ngày 10/10/2023 do Hội đồng định giá TAND quận G đã lập, thời hạn để thực hiện giao nhà và giao tiền là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T cho biết bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 6801/2003 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 17 tháng 6 năm 2003 cho cụ Lê Văn M và cụ Hồ Thị S1 và các giấy tờ liên quan đến chủ quyền nhà hiện nay bà T đang giữ.

- *Bị đơn ông Lê Ngọc S có vợ là bà Triệu Nghi Q đại diện, trình bày*: Ông S không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không đồng ý yêu cầu của bà về việc nhận nhà và hoàn tiền cho ông S theo giá 1.840.219.359 đồng. Dù việc bà T yêu cầu chia di sản của cha thành 02 phần cho ông S và bà T là có lợi cho ông S, nhưng ông S không đồng ý vì điều đó là không đúng. Ông S yêu cầu chia nhà đất là di sản của cha và mẹ thành 03 phần đều nhau cho cả ba người con, mỗi người 1/3 giá trị nhà và đất, riêng ý kiến ông S là để các anh em bán cho người ngoài muốn mua hoặc giao cơ quan thi hành án thực hiện phát mãi thi hành án chứ không muốn giao nhà đất này cho bà T. Hiện nhà đất này do con ông S là Lê Ngọc T1 đang ở.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Ngọc A trình bày*: Ông A không đồng ý yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông A đồng ý chia nhà đất của cha mẹ thành 03 phần cho 03 anh em. Trường hợp bà T muốn nhận bằng nhà thì ông A cũng đồng ý, nhưng yêu cầu hoàn tiền theo tỷ lệ mỗi người hưởng 1/3 giá trị nhà đất theo Biên bản định giá ngày 10/10/2023, ông A và ông S mỗi người nhận tiền mặt là 1.840.219.359 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng sửa một phần quyết định về việc tuyên đương sự nhận phần thừa kế di sản bằng tiền là không phù hợp bởi giá trị tài sản tăng giảm tùy thời điểm thi hành án, đề nghị tuyên sửa cho các đương sự nhận phần thừa kế theo tỷ lệ mỗi người được nhận 1/3 giá trị di sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn – bà Lê Thị T nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Đơn kháng cáo của bà T được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận thống nhất của các đương sự, có cơ sở xác định:

Nhà đất tại địa chỉ số 2 Đường S, Phường B, quận G nay phường H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70125091430, hồ sơ gốc số 6801/2003 do Uỷ ban nhân dân quận G cấp ngày 17/6/2003 là di sản thừa kế của ông Lê Văn M và bà Hồ Thị S1 chết để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn M và bà Hồ Thị S1 là các ông (bà) Lê Ngọc A, Lê Thị T và Lê Ngọc S.

Các đương sự thống nhất di sản của cụ Hồ Thị S1 là 1/2 nhà và đất trên được chia thừa kế theo pháp luật cho 03 người con, mỗi người 1/6 di sản; Riêng phần cụ Lê Văn M để lại di sản là 1/2 nhà và đất trên, tuy nhiên các bên không

thống nhất được việc chia di sản theo pháp luật và nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chia thừa kế của cụ M theo Di chúc ngày 24/6/2020 cho hai người con là bà T và ông S; Xét thấy:

Bà T kháng cáo cho rằng Di chúc của cụ M là hợp pháp, cụ M lập Di chúc ngày 24/06/2020 trong tình trạng sức khỏe tinh thần minh mẫn, sáng suốt, thể hiện là Giấy khám sức khỏe của cụ M được lập trước đó vào ngày 18/6/2020 tại Bệnh viện đa khoa quận G.

Đồng thời, tại giai đoạn phúc thẩm, bà T cũng nộp kèm:

. Bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1885/1 TT-BA ngày 28/8/2023 của Bệnh viện Quân y 175 (trùng khớp với bản photo do ông Lê Ngọc A nộp), nội dung bệnh án được Bệnh viện Quân y 175 xác nhận đúng theo Văn bản số 4147/BV-KH ngày 29/8/2025 (BL.310).

. Bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1885/2 TT-BA ngày 29/8/2025 của Bệnh viện Quân y 175 (BL.312).

. Bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 01/BV-01, số lưu trữ 94/TTBA/2023 ngày 08/8/2023 của Bệnh viện tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh (trùng khớp với bản photo do ông Lê Ngọc S nộp), nội dung bệnh án được Bệnh viện tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đúng theo Văn bản số 1183/BVTT-KHTH ngày 26/8/2025 (BL.308).

. Phiếu khám bệnh ngày 12/08/2020 của bệnh nhân Lê Văn M (mã bệnh nhân 20227474)

. Văn bản số 101/BVĐKGV ngày 26/8/2025 (BL.306) của Bệnh viện Đa khoa quận G xác nhận nội dung của Giấy khám sức khoẻ của ông Lê Văn M ngày 18/6/2020 tại Bệnh viện Đa khoa quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Xét các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 25/4/2020, ông Lê Văn M có nhập viện tại Bệnh viện Quân y 175 để điều trị bệnh, theo bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1885/1 TT-BA ngày 28/8/2023 của Bệnh viện Quân y 175 ghi nhận tình trạng của ông M: chẩn đoán vào viện là *sốc nhiễm khuẩn từ vết thương chó cắn, đột quỵ não, bệnh tim thiếu máu cục bộ;* chẩn đoán lúc ra viện là *Vết thương đốt 3 ngón bàn tay phải do chó cắn, rối loạn cảm xúc hành vi, teo não;* đồng thời bệnh viện có làm các xét nghiệm chụp X – quang và chụp CT não cho ông M ghi nhận hình ảnh *teo não tuổi già, dị dạng cấu trúc đường giữa chẻ đôi nghi do thiểu sản vách trong suốt, tụ dịch xoang hàm hai bên*. Ông M ra viện vào ngày 26/4/2020.

Ngày 24/5/2020, ông Lê Văn M tiếp tục nhập viện tại Bệnh viện Quân y 175, theo bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1885/2 TT-BA ngày 29/8/2025 của Bệnh viện Quân y 175 ghi nhận tình trạng của ông M: chẩn đoán vào viện là *sốt cao chưa rõ nguyên nhân, tăng huyết áp; chẩn đoán lúc ra viện là nhiễm khuẩn ngoài da, tăng huyết áp; tiền sử bệnh – chó cắn hai bàn tay + cổ tay*. Ông M ra viện vào ngày 27/5/2020.

Như vậy, ông M đã vào Bệnh viện 175 điều trị bệnh với thời gian cách nhau là 01 tháng.

Ngày 18/6/2020, ông Lê Văn M được con gái là bà Lê Thị T đưa đi khám sức khoẻ tại Bệnh viện đa khoa quận G, lý do khám sức khoẻ là để làm di chúc, theo Giấy khám sức khoẻ của ông Lê Văn M: tại mục 2. Tiền sử bản thân ghi nhận các bệnh và trình trạng bệnh ông M đã / đang mắc thể hiện là KHÔNG; Kết luận của Giấy khám sức khoẻ ghi là *"Hiện tại tâm thần kinh minh mẫn, tiếp xúc tốt"*.

Vậy Giấy khám sức khoẻ của ông Lê Văn M ngày 18/6/2020 tại Bệnh viện quận G đã không ghi nhận đúng thể trạng của ông M khi trước đó ông đã 02 lần nhập viện tại Bệnh viện 175 để điều trị bệnh như viện dẫn trên. Người nhà là bà T đi cùng cũng không khai báo với bệnh viện tình trạng trước đó của ông M để bác sĩ có đủ cơ sở đưa ra kết luận chính xác.

Ngày 12/8/2020 (sau thời điểm lập Di chúc 02 tháng), ông Lê Văn M được bà Lê Thị T đưa đi khám tại Bệnh viện tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh, theo bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án số 01/BV-01, số lưu trữ 94/TTBA/2023 ngày 08/8/2023 của Bệnh viện tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận: *chẩn đoán vào viện là rối loạn nhân cách và hành vi do bệnh lý não, tổn thương não và rối loạn chức năng não; Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng ghi nhận: Phát bệnh 01 năm nay, ...ngày càng nặng, ngày 08/8/2020 bệnh nhân nói thằng cháu lấy tiền của mình, nhưng cháu nói không có, bệnh nhân lấy dao xếp đâm cháu,…*

Theo bà T trình bày, bà T đưa ông Lê Văn M đi khám Bệnh viện Tâm thần TP. HCM vì ông M bị mất ngủ cách ngày khám vài ngày, còn trước đó ông M vẫn bình thường, sức khỏe tốt. Lời trình bày của bà T tại phiên tòa phúc thẩm là mâu thuẫn với tài liệu do chính bà T nộp và lời kê khai tiền sử bệnh do chính bà T khai khi đưa ông M khám bệnh tại Bệnh viện Tâm thần. Trước hết, việc bà T đưa ông M đi khám Bệnh viện Tâm thần thể hiện bà T (và người nhà) đã nhìn nhận ông M có nhiều biểu hiện không bình thường, mang dấu hiệu của người bệnh tâm thần, vì nếu ông M bình thường và chỉ bị mất ngủ vài ngày – tại sao bà T không đưa ông M đi khám Lão khoa ở bệnh viện nào đó có khoa điều trị hoặc đơn giản hơn là khám tại Bệnh viện Đa khoa 175 hoặc Bệnh viện Đa khoa quận G để các bác sĩ theo dõi do ông M đã từng khám bệnh trước đó.

Thứ hai, bà T trình bày ông M trước khi vào khám tại Bệnh viện Tâm thần 04 ngày đã có hành vi dùng dao xếp đâm đứa cháu nội (Lê Ngọc T1) sống cùng nhà do nghi ngờ cháu T1 lấy tiền của ông M. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày cháu của ông M – người bị đâm là ông T1 có biểu hiện chậm phát triển, thần kinh không bình thường từ lâu nhưng gia đình không đưa đi điều trị và khám bệnh, vì ông T1 chọc tức ông M nên ông M mới bức xúc mà có hành vi dùng dao xếp đâm cháu. Điều này là mâu thuẫn với lời khai bệnh của bà T khi đưa ông M khám bệnh tại Bệnh viện Tâm thần, bà T đã cho rằng *cháu cũng không đến nỗi nào* (mà lại bị ông M đâm); Hoặc trường hợp ông M là người tâm thần kinh bình thường thì khi tiếp xúc với một người cháu đã trưởng thành và to lớn hơn ông M, khi người cháu này được gia đình cho rằng có nhiều dấu hiệu chậm phát triển, dấu hiệu bệnh tâm thần đã lâu, thì dù người cháu có lấy ít tiền của ông M hoặc có thái

độ chọc tức ông M, người có tâm thần kinh bình thường ở độ tuổi của ông M sẽ không có phản ứng thiếu kiểm soát là dùng dao xếp để đâm cháu.

Hơn nữa, Bệnh viện Quân y 175 cũng đã chụp CT não cho ông M và hình ảnh ghi nhận tình trạng của ông M là teo não tuổi già, điều này chứng tỏ các chức năng não và hành vi của ông M đã suy giảm ngay từ giai đoạn tháng 4/2020 hoặc có thể trước đó. Đồng thời, qua các diễn biến về việc điều trị bệnh của ông M nêu trên, có cơ sở khẳng định ông M có biểu hiện về bệnh liên quan đến thần kinh, ảnh hưởng đến nhận thức, tinh thần, hành vi và cảm xúc của ông M, bản thân bà T khi đưa ông M đi khám tại Bệnh viện tâm thần, chính bà T cũng đã khai báo ông M có biểu hiện bệnh tâm thần hơn 01 năm nay. Do vậy, việc bà T không khai báo trung thực với Bệnh viện quận G về biểu hiện bệnh của ông M khi đưa ông M đi khám sức khoẻ để làm Di chúc vào ngày 18/06/2020 nhưng việc lập Di chúc lại được thực hiện sau đó gần một tuần - vào ngày 24/06/2020, điều này có thể làm sai lệch tình trạng sức khỏe của M tại thời điểm lập Di chúc, nhất là trong trường hợp ông M đã bị teo não dẫn đến suy giảm trí nhớ và ảnh hưởng khả năng nhận thức.

Ngoài ra, tại giai đoạn phúc thẩm, bà T có cung cấp hình ảnh được chụp vào ngày 24/6/2020 thể hiện ông M có mặt tại Văn phòng Công chứng N, tuy nhiên hình ảnh này không thể chứng minh về tình trạng sức khỏe tinh thần của ông M vào thời điểm lập Di chúc.

Bà T còn cung cấp thêm USB cho rằng chứa file ghi âm giọng nói của ông M đọc lại di chúc trước mặt Công chứng viên Ninh Thanh H (là Công chứng viên của Văn phòng Công chứng N) vào ngày 24/06/2020, đoạn ghi âm này được Văn phòng Thừa phát lại C lập Vi bằng số 256/2025/VB-TPL ngày 13/11/2025 diễn giải bằng văn bản đoạn hội thoại được ghi âm giữa Giọng nam 1 – được cho là của ông M và Giọng nam 2 – được cho là của Công chứng viên Ninh Thanh H và Giọng nữ được cho là của bà T, xét thấy: Giọng nam 1 (được cho là của ông M) đang đọc theo văn bản di chúc có sẵn và lập lại những lời nhắc chữ của Giọng nam 2, không phải là của người tự trình bày rõ ràng mạch lạc ý chí của mình, giọng đọc không rõ và bị lắp, nội dung hội thoại bị cắt đoạn chứ không thể hiện đầy đủ toàn bộ buổi làm việc, nên đoạn ghi âm này không thể chứng minh ông M sáng suốt minh mẫn tại thời điểm lập Di chúc và tự nguyện thể hiện ý chí, nguyện vọng của ông M trong việc định đoạt tài sản cho con.

Nguyên đơn – bà T trình bày bà cũng không cung cấp được thông tin của bà Trần Thị D là người làm chứng trong Di chúc ngày 24/6/2020, vì bà không quen biết bà D nên không biết bà D ở đâu (BL.63) do đó không thể đưa bà D vào tham gia tố tụng để xác minh thêm về tình trạng của ông M khi lập di chúc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Di chúc lập ngày 24/6/2020 của ông Lê Văn M tại Văn phòng Công chứng N không đủ điều kiện để được xem là Di chúc hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 630 Bộ luật Dân sự 2015, nên cần phải huỷ bỏ, di sản của ông Lê Văn M và bà Hồ Thị S1 là nhà đất tại địa chỉ số 2 Đường S, Phường B, quận G nay phường H, Thành phố Hồ Chí Minh được chia thừa kế theo pháp luật. Cấp sơ thẩm đã huỷ

Di chúc ngày 24/6/2020 và chia thừa kế di sản theo pháp luật cho 03 người con của ông M và bà S1 là các ông (bà) Lê Ngọc A, Lê Thị T và Lê Ngọc S là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà T là không đủ cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Tuy nhiên, do việc Tòa án cấp sơ thẩm ấn định số tiền cụ thể để thi hành án đối với các đương sự có thể không phù hợp với thực tiễn tại thời điểm thi hành án, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh nhưng có điều chỉnh về kỷ phần các đương sự nhận thừa kế thực hiện theo tỷ lệ giá trị nhà và đất di sản để phù hợp với thực tế biến động của thị trường nhà đất ở giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên án sơ thẩm nên án phí dân sự phúc thẩm người kháng cáo phải chịu, tuy nhiên bà Lê Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà T được miễn án phí phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0034805 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Lê Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1543/2025/DS-ST ngày 03/11/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng được điều chỉnh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

1.1. Huỷ Di chúc có số công chứng 005373 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2020 do ông Lê Văn M lập tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Di sản của ông Lê Văn M và bà Hồ Thị S1 là nhà đất tại địa chỉ số 2 Đường S, Phường B, quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70125091430, hồ sơ gốc số 6801/2003 do Uỷ ban nhân dân quận G cấp ngày 17/6/2003, (di sản tạm tính có giá trị là 5.520.658.078 đồng - Năm tỷ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn không trăm bảy mươi tám đồng, theo kết quả định giá tại

Biên bản định giá ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân quận G, nay là Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh);

Di sản trên được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn M và bà Hồ Thị S1, như sau:

. Ông Lê Ngọc A được hưởng 1/3 tương đương 33,33% giá trị di sản.

. Bà Lê Thị T được hưởng 1/3 tương đương 33,33% giá trị di sản.

. Ông Lê Ngọc S được hưởng 1/3 tương đương 33,33% giá trị di sản.

Giá trị di sản để chia thừa kế được tính theo giá thực tế của di sản tại thời điểm thi hành án (tạm tính mỗi người được hưởng 1.840.219.359 đồng).

1.3. Các đương sự có quyền tự thoả thuận bán hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất tại địa chỉ 2 Đường S, Phường B, quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án, sau khi trừ đi các chi phí phát mãi và chi phí thi hành án (nếu có), giá trị nhà đất còn lại được phân chia cho các đồng thừa kế theo kỷ phần họ được hưởng.

1.4. Ông Lê Ngọc T1 hiện đang cư trú phải di dời người và tài sản của mình, bàn giao toàn bộ nhà đất theo hiện trạng tại số 2 Đường S, Phường B, quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án ngay khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

1.5. Bà Lê Thị T có trách nhiệm bàn giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70125091430, hồ sơ gốc số 6801/2003 do Uỷ ban nhân dân quận G cấp ngày 17/6/2003 cho cụ Lê Văn M và cụ Hồ Thị S1 cùng toàn bộ bản chính hồ sơ giấy tờ chủ quyền về nhà đất tại số 2 Đường S, Phường B, quận G nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi được yêu cầu để thi hành án theo thủ tục thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc A vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Ông Lê Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần di sản được hưởng là 67.206.581 đồng (Sáu mươi bảy triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị T đã chi 17.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị tài sản được chia, mỗi người phải chịu là 5.666.667 đồng, do đó ông Lê Ngọc S và ông Lê Ngọc A mỗi người phải trả lại cho bà Lê Thị T là 5.666.667 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn - bà Lê Thị T không phải chịu, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0034805 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 7 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/25.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hiền